

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 186/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thu Hảo

- Bà Võ Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên;

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2021, về việc: “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hồ Minh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

(*Bà H xin vắng mặt; ông T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Minh H trình bày:*

Bà Phạm Thị Minh H và ông Phạm Hồ Minh T tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đông, thị xã Gò Công vào ngày 09 tháng 4 năm 2007. Bà H và ông T sống hạnh phúc đến

năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T mê chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian sống ly thân, bà H và ông T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà H không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Phạm Phương G sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008. Thời gian sống ly thân, bà H trực tiếp nuôi con. Ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Hồ Minh T hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà H.

** Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Xét thấy, bà Phạm Thị Minh H và ông Phạm Hồ Minh T có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 4 năm 2007. Đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tuấn đã trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên Phạm Phương G. Chị H làm nghề buôn bán nên có điều kiện chăm sóc con chung. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Giao là muốn tiếp tục sống với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề xuất Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, bà Phạm Thị Minh H được ly hôn với ông Phạm Hồ Minh T. Về con chung: Giao cháu Phạm Phương Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị Minh H và ông Phạm Hồ Minh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Minh H có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Hồ Minh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông T.

Xét về tình cảm: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của ông bà cho bà H tự quyết định. Từ năm 2019, bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng chứng tỏ bà H và ông T không còn tình cảm với nhau nên tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Vợ chồng có một con tên Phạm Phương G sinh ngày 12/01/2008. Thời gian sống ly thân, bà H trực tiếp nuôi con. Cháu Giao cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, cần giao cháu Giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông T không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2013;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh H.
- Bà Phạm Thị Minh H được ly hôn với ông Phạm Hồ Minh T.

2/ Về con chung:

- Bà Phạm Thị Minh H được tiếp tục nuôi con tên Phạm Phương G sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008.

- Bà Phạm Thị Minh H không yêu cầu ông Phạm Hồ Minh T cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019440, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- CC. Thi hành án DS TXGC;
- UBND xã BÐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

